TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 322/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 05/7/2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 – THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Từ Thị Minh Tú.
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Vũ Ngọc Tiến
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng

- ***Thư ký phiên tòa****:* Bà Nguyễn Thị Thảo Sương - Thư ký Toà án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên toà : Bà Nguyễn Thị Diễm Hằng - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 7 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 154/2023/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 4 năm 2024 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số:337/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 17 tháng 6 năm 2024, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn :* Ông Trương Tấn P, sinh năm 1985.
Địa chỉ: số H đường T, khu phố B, Phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Bị đơn: Bà Đoàn Thị M, sinh năm 1980
Địa chỉ : 5 C, Phường A, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1/Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn - ông Trương Tấn P trình bày: ông và bà M tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn vào năm 2007 do U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/10/2007.

Quá trình chung sống vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau không cùng chung quan điểm sống, về suy nghĩ, về cách làm việc, không còn tình cảm với nhau,vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2009 cho đến nay không còn chung sống một nhà, vì vậy nay ông yêu cầu ly hôn với bà M, việc bà M không đồng ý ly hôn với ông là do bà M sợ ly hôn ông sẽ không cho bà M ở trong căn nhà của ba ông chết để lại là nhà số E C, Phường A, Quận A vì từ trước đến giờ bà M ở trong nhà của ba ông, còn ông phải đi ở thuê từ năm 2009 đến nay, chứ bà M không còn tình cảm gì với ông nữa.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Cẩm T, sinh ngày 19/10/2009. Bà M là người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông đang làm nghề lái xe lương 9.000.000 đồng/

tháng, ông đồng ý cấp dưỡng cho con Cẩm Tú 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ông P có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

2/Bị đơn- bà Đoàn Thị M tại bản tự khai trình bày: Bà và ông Trương Tấn P tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 161 ngày 05/10/2007, từ lúc bà mang thai con gái Cẩm T được 4 tháng là ông P thường xuyên đi khỏi nhà, sau khi bà sinh con Cẩm T thì vợ chồng bà ly thân không còn chung sống trong 1 nhà từ tháng 10/2009 đến nay, hiện nay bà đang ở nhà của cha chồng, ông P không ở chung nhà với bà, nay chồng bà yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý ly hôn vì bà còn tình cảm với chồng và con bà cần có ba vì vậy bà không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Cẩm T, sinh ngày 19/10/2009.

Về tài sản chung và nợ chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa bị đơn trình bày :

Vợ chồng tôi ly thân không còn chung sống trong 1 nhà từ tháng 10/2009 đến nay vì chồng tôi bỏ nhà đi, hiện nay tôi đang ở nhà của cha chồng, ông P không ở chung nhà với tôi, nay chồng tôi yêu cầu ly hôn, tôi không đồng ý ly hôn vì tôi còn tình cảm với chồng và con tôi cần có ba.

Về con chung: Có 01 con chung tên Trương Cẩm T, sinh ngày 19/10/2009.

Về tài sản chung: không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: chúng tôi không có nợ chung.

Tôi không yêu cầu ông P cấp dưỡng nuôi con tùy ý ông P cấp dưỡng bao nhiêu thì tôi nhận, mấy năm nay ông P cấp dưỡng nuôi con là 4.500.000 đồng / tháng, số tiền này đủ để hai mẹ con tôi sống và con Cẩm T từ nhỏ đến nay sinh sống ở với tôi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 10 trình bày:

+ Về thủ tục tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và Thư ký cũng như các đương sự đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc giải quyết vụ án, ông P có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt ông P.

+ Về nội dung: Xét tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông P và bà M đã trầm trọng, vợ chồng ly thân không còn chung sống đã lâu, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được; vì vậy căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, đề nghị Hội đồng xét xử cho ông P ly hôn với bà M.

Về con chung: Xét trẻ Cẩm T từ trước đến nay sinh sống học tập ở với mẹ nên giao con chung cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng và ông P cấp dưỡng nuôi con 4.500.000 đồng /tháng là phù hợp với quy định pháp luật.

Về tài sản chung và nợ chung: Ông P và bà M khai không có, không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào lời khai của đương sự, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 161 quyển số 01/2007 do Ủy ban nhân dân Phường U, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 05/10/2007 có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa ông P và bà M là hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ, nay ông P yêu cầu ly hôn là tranh chấp "Ly hôn" thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Bị đơn – bà M hiện đang cư trú tại Quận A nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Xét thấy, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên đơn.

[2]Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu ly hôn của ông P, Hội đồng xét xử xét thấy:

Căn cứ vào đơn khởi kiện, bản tự khai ông P xác định : vợ chồng ông thường xuyên cãi nhau, không cùng chung quan điểm sống, về suy nghĩ, về cách làm việc, không còn tình cảm với nhau, vợ chồng ông đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2009 cho đến nay không còn chung sống một nhà.

Bà M cũng xác định từ lúc bà mang thai con gái Cẩm T được 4 tháng là ông P thường xuyên đi khỏi nhà, sau khi bà sinh con Cẩm T thì vợ chồng bà ly thân không còn chung sống trong 1 nhà từ tháng 10/2009 đến nay, hiện nay bà đang ở nhà của cha chồng, ông P không ở chung nhà với bà. Nay ông P yêu cầu ly hôn, bà không đồng ý ly hôn là vì bà còn tình cảm với chồng và con bà cần có ba.

Xét lời khai của ông P và bà M, Hội đồng xét xử xét thấy mâu thuẫn giữa ông P và bà M trầm trọng, vợ chồng ly thân không còn chung sống đã nhiều năm, không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc theo quy định tại Điều 19 Luật Hôn nhân và gia đình, vợ chồng không thể hàn gắn giải quyết được mâu thuẫn làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu ly hôn của ông P đã thỏa mãn các quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, vì vậy Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của ông P, cho ông P ly hôn với bà M.

[2.2] Đối với yêu cầu giao con chung cho bà M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng:

Xét trẻ Trương Cẩm T từ khi sinh ra đến hiện nay đang học tập sinh sống ở chung với mẹ và trẻ Cẩm Tú giới tính nữ. Do đó, căn cứ Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt của con và để không ảnh hưởng đến tâm sinh lý của trẻ Cẩm T nên giao con chung Cẩm T cho bà M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng là phù hợp với quy định pháp luật.

[2.3] Về cấp dưỡng nuôi con : Xét lời khai của ông P thì tổng thu nhập của ông là 9.000.000 đồng/ tháng; với nhu cầu, chi phí tối thiểu cho việc nuôi dưỡng và học hành của trẻ T thì căn cứ vào khoản 1 Điều 116 Luật hôn nhân và gia đình

và điểm b, c mục 11 Nghị quyết 02/2000/NQ-HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao; ông P đồng ý cấp dưỡng nuôi trẻ Cẩm Tú 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng và bà M đồng ý với số tiền ông P cấp dưỡng nuôi con; vì vậy yêu cầu của ông P về cấp dưỡng nuôi con là phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

[2.4] Về tài sản chung, nợ chung: Ông P và bà M khai không có, không xem xét.

[3] Về án phí: Ông P phải chịu án phí ly hôn 300.000 đồng và phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng theo quy định điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 266, khoản 1 Điều 227 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ các Điều 19, 56, 81, 82, 83, 84, 85, 86, 110, 116, 117 và Điều 118 Luật hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông Trương Tấn P.

Về quan hệ vợ chồng: Ông Trương Tấn P được ly hôn bà Đoàn Thị M.

Về con chung: Giao con chung tên Trương Cẩm T, sinh ngày 19/10/2009 cho bà Đoàn Thị M trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng.

Ông Trương Tấn P có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai có quyền cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của người đang trực tiếp nuôi con.

Vì quyền lợi về mọi mặt của con, khi có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức theo quy định của pháp luật, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con, mức cấp dưỡng nuôi con hoặc hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên.

Về cấp dưỡng nuôi con: Ông Trương Tấn P có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung là trẻ Trương Cẩm T 4.500.000 (bốn triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng cho đến khi trẻ Trương Cẩm T thành niên và có khả năng lao động để tự nuôi mình.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật hoặc có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành chưa thi hành khoản tiền cấp dưỡng nuôi con, thì hàng tháng bên phải thi hành còn phải chịu khoản tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015, tương ứng với số tiền và thời gian

chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

-Về tài sản chung, nợ chung: Ông Trương Tấn P và bà Đoàn Thị M khai không có, không xem xét.

2. Án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân gia đình:

Ông Trương Tấn P chịu 300.000 (ba trăm ngàn) đồng án phí ly hôn nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai số 0020509 ngày 10/4/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh và ông P phải chịu án phí cấp dưỡng nuôi con 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng).

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Về thời hạn kháng cáo : Ông Trương Tấn P có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết. Bà Đoàn Thị M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND TP.HCM;
- VKSND Quận 10;
- Chi cục THADS Quận 10;
- Đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Từ Thị Minh Tú